

THE LINKAGE MODEL BETWEEN UNIVERSITIES AND PRACTICE FACILITIES: SOLUTIONS FOR IMPROVING THE QUALITY OF SPECIAL EDUCATION AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

Dao Thi Thu Thuy^{*1}, Nguyen Thi Quynh Hoa²,
Nguyen Thi Huyen³

* Corresponding author

Email dtththuy@daihocthudo.edu.vn

² Email: ntqhoa@daihocthudo.edu.vn

³ Email: nthuyen2@daihocthudo.edu.vn

^{1,2,3} Hanoi Metropolitan University
98 Duong Quang Ham, Cau Giay district,
Hanoi, Vietnam

Received: 22/02/2025

Revised: 02/4/2025

Accepted: 17/4/2025

Published: 15/6/2025

Abstract: The aim of this study is to develop and improve the linkage model between universities and practice facilities in special education teacher training at Hanoi Metropolitan University. The research seeks to address issues such as a lack of coordination between the parties, inadequate facilities, and the absence of an effective mechanism for evaluating collaboration. The research methods include surveys using questionnaires, in-depth interviews with lecturers and students, real-life observations, and assessments of students' learning products. The main findings of the study indicate that developing professional skills is the most important goal during internships, followed by adaptability, while soft skills are given less priority. Additionally, issues related to facilities and a shortage of guidance staff were identified. The study proposes solutions such as developing a training program that integrates theory and practice, enhancing lecturer training, and establishing an effective feedback mechanism between the parties to improve the quality of practice and meet the practical needs of the Special education department at the university.

Keywords: *Linkage model, Special education teacher training, practice, internship, training quality, practice facilities.*

MÔ HÌNH LIÊN KẾT GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ CƠ SỞ THỰC HÀNH: GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGÀNH GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Đào Thị Thu Thủy^{*1}, Nguyễn Thị Quỳnh Hoa²,
Nguyễn Thị Huyền³

* Tác giả liên hệ

Email: dtththuy@daihocthudo.edu.vn

² Email: ntqhoa@daihocthudo.edu.vn

³ Email: nthuyen2@daihocthudo.edu.vn

^{1,2,3} Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội
98 Dương Quang Hàm, quận Cầu Giấy,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 22/02/2025

Chỉnh sửa xong: 02/4/2025

Chấp nhận đăng: 17/4/2025

Xuất bản: 15/6/2025

Tóm tắt: Mục đích của nghiên cứu là xây dựng và cải thiện mô hình liên kết giữa nhà trường và cơ sở thực hành trong đào tạo ngành giáo dục đặc biệt tại Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội. Nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề như thiếu phối hợp giữa các bên, thiếu cơ sở vật chất và thiếu cơ chế đánh giá hiệu quả hợp tác. Phương pháp nghiên cứu bao gồm khảo sát qua phiếu hỏi, phỏng vấn sâu với giảng viên và sinh viên, quan sát thực tế và đánh giá sản phẩm học tập của sinh viên. Kết quả chính của nghiên cứu cho thấy, phát triển kỹ năng chuyên môn là mục tiêu quan trọng nhất trong thực tập, tiếp theo là khả năng thích ứng, còn kỹ năng mềm ít được ưu tiên. Ngoài ra, những khó khăn về cơ sở vật chất và thiếu nhân lực hướng dẫn được ghi nhận. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp như phát triển chương trình đào tạo kết hợp lý thuyết và thực hành, tăng cường đào tạo giảng viên và thiết lập cơ chế phản hồi hiệu quả giữa các bên để nâng cao chất lượng thực hành và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của ngành Giáo dục đặc biệt của nhà trường.

Từ khóa: *Mô hình liên kết, đào tạo giáo viên giáo dục đặc biệt, thực hành, thực tập, chất lượng đào tạo, cơ sở thực hành.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, việc đào tạo giáo viên ngành Giáo dục đặc biệt đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành. Thực hành, thực tập không chỉ giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào thực tế mà còn phát triển kỹ năng chuyên môn và thái độ nghề nghiệp cần thiết. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao trong công tác này, việc xây dựng một mô hình liên kết hiệu quả giữa nhà trường và các cơ sở thực hành là vô cùng quan trọng.

Thực tế cho thấy, số lượng trẻ em khuyết tật ngày càng gia tăng, kéo theo nhu cầu cấp thiết về đội ngũ giáo viên giáo dục đặc biệt có chất lượng. Nhiều trường đại học và cao đẳng sư phạm đã triển khai chương trình đào tạo giáo viên Giáo dục đặc biệt như Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội.

Mô hình liên kết này không chỉ tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận môi trường giáo dục thực tế mà còn giúp họ rèn luyện kỹ năng, tích lũy kinh nghiệm và phát triển phẩm chất nghề nghiệp. Đồng thời, các cơ sở thực hành cũng được hưởng lợi từ việc tiếp nhận sinh viên thực tập như cập nhật phương pháp giảng dạy mới, tăng cường nguồn nhân lực hỗ trợ và thúc đẩy hợp tác nghiên cứu giữa nhà trường và cơ sở. Tuy nhiên, việc triển khai mô hình liên kết này còn gặp nhiều thách thức như thiếu sự phối hợp đồng bộ, hạn chế về cơ sở vật chất và nguồn lực, cũng như chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả hợp tác rõ ràng (Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, 2024). Do đó, nghiên cứu và đề xuất các giải pháp xây dựng mô hình liên kết hiệu quả giữa nhà trường và cơ sở thực hành là cần thiết, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên giáo dục đặc biệt, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích lý thuyết để làm rõ vai trò của thực hành, thực tập và mô hình liên kết giữa nhà trường và cơ sở thực hành trong đào tạo giáo viên Giáo dục đặc biệt. Cụ thể, nghiên cứu tập trung vào việc phân tích các khái niệm về thực hành và thực tập, đồng thời khám phá các mô hình liên kết hiệu quả giữa cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành trong đào tạo giáo viên Giáo dục đặc biệt tại các quốc gia trên thế giới và trong nước. Qua việc tổng hợp các lý thuyết và thực tiễn, nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp lý thuyết và thực hành trong quá trình đào tạo giáo viên nhằm

đảm bảo chất lượng và năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu đánh giá thực trạng

2.2.1. Mục đích khảo sát

Mục đích của khảo sát nhằm đánh giá thực trạng hướng dẫn thực hành, thực tập tại các cơ sở thực hành, thực tập ngành Giáo dục đặc biệt của Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội. Cụ thể, khảo sát tập trung vào các nội dung sau: 1) Đánh giá nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên hướng dẫn và sinh viên về vai trò của thực hành, thực tập trong đào tạo ngành Giáo dục đặc biệt; 2) Xác định mức độ đáp ứng của cơ sở thực hành về cơ sở vật chất, đội ngũ hướng dẫn, chương trình thực hành so với nhu cầu thực tế của sinh viên; 3) Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thực hành, thực tập, bao gồm sự phối hợp giữa nhà trường và cơ sở thực hành, phương pháp hướng dẫn, công cụ hỗ trợ và thời gian thực tập; 4) Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả thực hành, thực tập và xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành bền vững.

2.2.2. Nội dung khảo sát

Khảo sát tập trung vào các nội dung chính sau: 1) Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên hướng dẫn và sinh viên về vai trò và tầm quan trọng của thực hành, thực tập trong đào tạo sinh viên ngành Giáo dục đặc biệt. 2) Đánh giá mức độ phù hợp của nội dung, hình thức, phương pháp hướng dẫn thực hành, thực tập tại các cơ sở thực hành hiện nay. 3) Tác động của chương trình thực hành, thực tập đến sự phát triển kỹ năng nghề nghiệp và mức độ sẵn sàng của sinh viên khi tham gia vào môi trường làm việc thực tế. 4) Những khó khăn, hạn chế của sinh viên trong quá trình thực hành, thực tập tại các cơ sở; 5) Các đề xuất cải thiện chất lượng thực hành, thực tập và xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành hiệu quả.

2.2.3. Phương pháp khảo sát

Để thu thập dữ liệu, nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: 1) Điều tra bằng phiếu hỏi; 2) Phương pháp phỏng vấn trực tiếp; 3) Phương pháp quan sát (Quan sát quá trình sinh viên thực hành, thực tập tại các cơ sở để đánh giá mức độ tương tác, sự chủ động và kỹ năng thực hành của sinh viên; Quan sát phương pháp hướng dẫn của giáo viên và cơ sở vật chất tại các điểm thực hành); 4) Phương pháp nghiên cứu sản phẩm (đánh giá các sản phẩm học tập của sinh viên; bài thu hoạch, kế hoạch giáo dục cá nhân, báo cáo thực tập... để xem xét mức độ áp dụng lý thuyết vào thực tế).

Đánh giá mức độ nhận thức và sự hài lòng về thực hành, thực tập, nghiên cứu này chúng tôi sử dụng thang đo Likert 4 mức độ với cách quy đổi điểm như sau: Không phù hợp - 1 điểm; Ít phù hợp - 2 điểm; Khá phù hợp - 3 điểm; Rất phù hợp - 4 điểm.

2.3.4. Khách thể và thời gian khảo sát:

Tổng số khách thể khảo sát: 150 người, bao gồm: 20 cán bộ quản lý, giáo viên hướng dẫn tại các cơ sở thực hành; 90 sinh viên ngành Giáo dục đặc biệt từ năm 2 đến năm 4 tại Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội; 40 phụ huynh có con em theo học tại các cơ sở giáo dục đặc biệt. Thời gian được khảo sát từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2024.

2.3.5. Địa bàn khảo sát:

Trung tâm Tham vấn Tâm lý và Can thiệp sớm, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội; Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục hòa nhập Đan Hoài; Khoa Sư phạm - Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nghiên cứu lý luận

3.1.1. *Khái niệm về thực hành, thực tập, mô hình liên kết giữa nhà trường và cơ sở thực hành trong đào tạo giáo viên Giáo dục đặc biệt*

Thực hành là quá trình sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào các hoạt động cụ thể, giúp củng cố và nắm vững kiến thức đã học. Hoạt động này diễn ra thường xuyên trong suốt quá trình đào tạo, thông qua các bài tập, dự án và mô phỏng tình huống thực tế. Mục tiêu của thực hành là giúp sinh viên phát triển kỹ năng sư phạm cơ bản và chuẩn bị cho các tình huống thực tế trong môi trường giáo dục đặc biệt (Nguyễn Đình Chính, 1997). Thực tập, mặt khác là giai đoạn mà sinh viên trực tiếp tham gia vào môi trường làm việc thực tế tại các cơ sở giáo dục đặc biệt hoặc trường học có chương trình hòa nhập. Trong giai đoạn này, sinh viên được giao nhiệm vụ cụ thể như giảng dạy, quản lý lớp học và hỗ trợ học sinh khuyết tật dưới sự giám sát của giáo viên hướng dẫn. Thực tập giúp sinh viên trải nghiệm thực tế, rèn luyện kỹ năng chuyên môn và hiểu sâu hơn về các thách thức cũng như phương pháp giáo dục phù hợp cho từng đối tượng học sinh (Nguyễn Đình Chính, 1997).

Mô hình liên kết giữa nhà trường và cơ sở thực hành là một hệ thống hợp tác có tổ chức giữa cơ sở đào tạo giáo viên và các đơn vị thực hành nhằm cung cấp môi trường thực tế giúp sinh viên tiếp cận, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển phẩm chất nghề nghiệp (Đình Quang Báo, 2021; Vũ Thị Sơn, 2012).

Việc kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, thực tập không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo mà còn đảm bảo rằng sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực và tự tin để đáp ứng yêu cầu của công việc trong lĩnh vực Giáo dục đặc biệt.

3.1.2. *Các mô hình liên kết giữa nhà trường và cơ sở thực hành trên thế giới và trong nước*

Thực hành và thực tập đóng vai trò quan trọng trong đào tạo giáo viên Giáo dục đặc biệt, giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn và phát triển kỹ năng sư phạm cần thiết. Thông qua quá trình này, sinh viên có cơ hội tiếp xúc với môi trường giáo dục thực tế, rèn luyện kỹ năng giảng dạy và quản lý lớp học, từ đó tự tin hơn khi bước vào nghề. Đặc biệt, trong lĩnh vực Giáo dục đặc biệt, việc thực hành giúp sinh viên hiểu sâu sắc về các phương pháp và chiến lược giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh khuyết tật, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của họ.

Tại Phần Lan, từ năm 1979, việc đào tạo giáo viên tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông được thực hiện tại các trường đại học, trong đó giáo viên tốt nghiệp được cấp bằng Thạc sĩ. Đặc biệt, giáo viên các trường dạy nghề được đào tạo ở các trường sư phạm liên kết với các trường đại học thực hành, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn.

Tại Nhật Bản, hệ thống đào tạo giáo viên cho phép nhiều cơ sở đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề, bao gồm các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác. Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và đạt các yêu cầu về thực tập sẽ được cấp chứng chỉ hành nghề giáo viên. Việc tuyển dụng giáo viên được quyết định bởi các hội đồng giáo dục hoặc bộ phận giáo dục của chính quyền địa phương, đảm bảo giáo viên được đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn (Mai Quang Huy, 2014).

Tại Việt Nam, mô hình liên kết giữa các trường sư phạm và trường phổ thông đang được chú trọng. Các trường đại học sư phạm thường xuyên phối hợp với các trường phổ thông để tổ chức thực hành, thực tập cho sinh viên. Việc này giúp sinh viên tiếp cận với môi trường giáo dục thực tế, rèn luyện kỹ năng sư phạm và hiểu rõ hơn về công việc giảng dạy. Đồng thời, các trường phổ thông cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn và đánh giá quá trình thực tập của sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên.

Việc xây dựng và phát triển mô hình liên kết giữa nhà trường và cơ sở thực hành không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mà còn đáp ứng kịp thời nhu cầu giáo dục trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế.

3.2. Kết quả nghiên cứu thực tiễn về liên kết giữa Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội và cơ sở thực hành trong đào tạo giáo dục đặc biệt

3.2.1. Thực trạng xây dựng mạng lưới cơ sở thực hành, thực tập ngành Giáo dục đặc biệt Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội

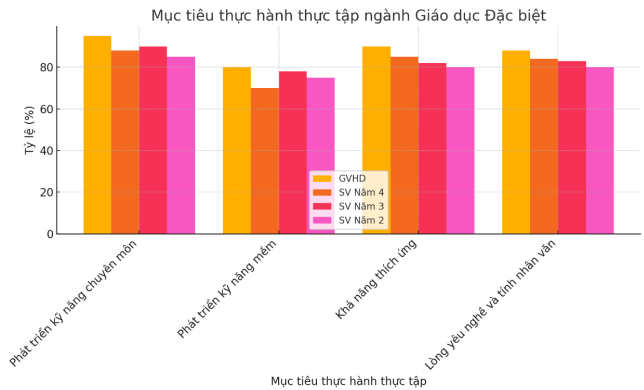
Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội hiện đang phát triển một mạng lưới các cơ sở thực hành, thực tập nhằm tăng cường khả năng ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế. Hiện nay, sinh viên ngành Giáo dục đặc biệt thực tập tại ba cơ sở chính: Trung tâm Tham vấn Tâm lý và Can thiệp sớm, Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục Hòa nhập Đan Hoài, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Kết quả khảo sát cho thấy rằng, hình thức hướng dẫn thực hành, thực tập tại các cơ sở chủ yếu dựa vào giám sát trực tiếp, kết hợp với giám sát từ xa và tham gia vào các dự án nghiên cứu. Trong đó, 75% giáo viên hướng dẫn đánh giá cao hướng dẫn trực tiếp, trong khi 25% đánh giá cao sự kết hợp giám sát từ xa (xem Bảng 1).

Từ Bảng 1, có thể thấy rằng, số lượng giáo viên có kinh nghiệm trên 10 năm khá cao (9 người) nhưng vẫn có một tỉ lệ đáng kể giáo viên có kinh nghiệm dưới 5 năm (3 người). Điều này phản ánh thực trạng rằng trong khi có một số giáo viên có kinh nghiệm lâu năm, vẫn còn một bộ phận giáo viên mới cần đào tạo và nâng cao năng lực hướng dẫn thực tập.

3.2.2. Mục tiêu thực hành thực tập ngành Giáo dục đặc biệt

Phân tích biểu đồ cho thấy rằng, phát triển kỹ năng chuyên môn là mục tiêu quan trọng nhất, với 95% giảng viên hướng dẫn và 90% sinh viên năm 3 đánh giá cao yếu tố này. Khả năng thích ứng cũng được đánh giá cao, với trên 80% sinh viên từ năm 2 đến năm 4 đồng ý rằng, đây là một kỹ năng quan trọng. Phát triển kỹ năng mềm có tỉ lệ đánh giá thấp hơn



Biểu đồ 1: Biểu đồ đánh giá về các mục tiêu thực hành thực tập ngành Giáo dục đặc biệt

so với các mục tiêu khác cho thấy mặc dù cần thiết nhưng chưa phải là trọng tâm chính trong thực tập.

Từ kết quả khảo sát trên cho thấy việc phát triển kỹ năng chuyên môn là mục tiêu quan trọng nhất, 95% giảng viên hướng dẫn và 90% sinh viên năm 3 đánh giá cao vai trò của việc phát triển kỹ năng chuyên môn. Điều này phản ánh nhận thức chung về tầm quan trọng của việc rèn luyện các kỹ năng đặc thù trong giáo dục đặc biệt, chẳng hạn như: Kỹ năng giảng dạy cá nhân hóa: Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP), áp dụng phương pháp can thiệp phù hợp với từng học sinh khuyết tật; Kỹ năng đánh giá và chẩn đoán: Xác định mức độ khó khăn của học sinh và đưa ra các chiến lược hỗ trợ phù hợp. Kỹ năng giao tiếp và tương tác: Làm việc với học sinh có nhu cầu đặc biệt, cha mẹ và đồng nghiệp để tạo môi trường học tập tối ưu. Việc sinh viên năm 3 đánh giá cao yếu tố này có thể do họ đã trải qua một số học phần thực hành và bắt đầu nhận ra sự cần thiết của việc nắm vững kiến thức chuyên môn khi tiếp xúc với thực tế. Giảng viên hướng dẫn cũng có quan điểm tương đồng cho thấy sự nhất quán trong nhận thức giữa người đào tạo và người học.

Khả năng thích ứng là yếu tố quan trọng thứ hai: Khoảng trên 80% sinh viên từ năm 2 đến năm 4 cho

Bảng 1: Thống kê về trình độ chuyên môn và thâm niên giảng dạy của giáo viên hướng dẫn thực tập

Trình độ chuyên môn	Dưới 1 năm	1-5 năm	5-10 năm	>10 năm	Tổng số
Thạc sĩ Công tác xã hội	0	0	0	1	1
Cử nhân Giáo dục đặc biệt	0	1	2	5	8
Cử nhân Công tác xã hội	0	0	1	2	3
Cử nhân Giáo dục Mầm non	1	1	2	1	5
Tổng cộng	1	2	5	9	20

rằng, khả năng thích ứng là một kỹ năng quan trọng trong thực hành thực tập. Điều này phản ánh thực tế rằng sinh viên ngành Giáo dục đặc biệt cần có sự linh hoạt và khả năng ứng phó với các tình huống không lường trước trong môi trường thực tế. Một số tình huống cụ thể có thể bao gồm: Đối phó với những thay đổi trong kế hoạch giảng dạy do đặc điểm cá nhân của học sinh khuyết tật; Thích nghi với các phương pháp giảng dạy khác nhau dựa trên mô hình giáo dục của từng cơ sở thực hành; Ứng xử linh hoạt trong giao tiếp và phối hợp với phụ huynh, giáo viên hướng dẫn để hỗ trợ học sinh tốt nhất. Điều đáng chú ý là khả năng thích ứng không chỉ quan trọng với sinh viên mà còn với cả giáo viên tương lai, vì môi trường giáo dục đặc biệt thường xuyên có sự thay đổi về chính sách, phương pháp giảng dạy và nhu cầu của học sinh.

Phát triển kỹ năng mềm là mục tiêu ít được ưu tiên: So với hai mục tiêu trên, phát triển kỹ năng mềm có tỉ lệ đánh giá thấp hơn, cho thấy mặc dù cần thiết, nhưng chưa được xem là trọng tâm chính trong thực tập. Kỹ năng mềm bao gồm: Kỹ năng giao tiếp hiệu quả với học sinh, phụ huynh, đồng nghiệp; Kỹ năng làm việc nhóm khi phối hợp với các chuyên gia trong giáo dục hòa nhập; Kỹ năng quản lý thời gian và giải quyết vấn đề trong môi trường thực tế. Có thể lý giải điều này theo hai hướng: Sinh viên và giảng viên tập trung hơn vào chuyên môn và khả năng thích ứng vì đây là những yếu tố quyết định hiệu quả làm việc thực tế trong ngành Giáo dục đặc biệt. Chương trình đào tạo chưa chú trọng đúng mức đến kỹ năng mềm hoặc sinh viên chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của nó cho đến khi tham gia làm việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

Ba mục tiêu trên có sự liên kết chặt chẽ với nhau: Kỹ năng chuyên môn giúp sinh viên thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy. Khả năng thích ứng giúp họ linh hoạt điều chỉnh phương pháp giảng dạy theo từng tình huống thực tế. Kỹ năng mềm giúp họ giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả, hỗ trợ việc thực hành diễn ra suôn sẻ.

Nếu chỉ tập trung vào một yếu tố mà thiếu sự cân bằng giữa ba kỹ năng trên, chất lượng thực tập sẽ bị ảnh hưởng. Ví dụ, một sinh viên giỏi chuyên môn nhưng thiếu khả năng thích ứng sẽ gặp khó khăn khi đối mặt với những học sinh có nhu cầu đặc biệt khác nhau. Tương tự, một sinh viên có khả năng thích ứng cao nhưng thiếu chuyên môn sẽ không thể đưa ra những chiến lược giảng dạy phù hợp.

Phân tích biểu đồ cho thấy phát triển kỹ năng

chuyên môn là trọng tâm hàng đầu trong thực tập ngành Giáo dục đặc biệt, tiếp theo là khả năng thích ứng, trong khi kỹ năng mềm chưa được ưu tiên cao. Điều này phản ánh yêu cầu thực tế của ngành nhưng cũng cho thấy sự cần thiết của việc cân bằng cả ba kỹ năng để sinh viên có sự chuẩn bị toàn diện hơn cho công việc sau này. Việc cải tiến chương trình thực tập để chú trọng hơn đến kỹ năng thích ứng và kỹ năng mềm sẽ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của môi trường giáo dục đặc biệt hiện đại.

3.2.3. Những khó khăn và thách thức hiện tại

a. Thiếu hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một trong những vấn đề lớn đối với hoạt động thực hành, thực tập của sinh viên ngành Giáo dục đặc biệt là thiếu cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ. Chỉ 57.1% giáo viên đánh giá rằng các cơ sở thực hành hiện tại đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy và thực tập. Hạn chế này đang ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và khả năng tiếp cận thực tiễn của sinh viên.

b. Thiếu nhân lực và giáo viên hướng dẫn

Mỗi cơ sở thực hành, thực tập đều đang đối mặt với bài toán thiếu nhân lực. Nhiều giáo viên và cán bộ hướng dẫn đã đồng ý rằng họ không thể có đủ thời gian và nguồn lực để hỗ trợ sinh viên một cách toàn diện.

Bên cạnh các số liệu định lượng, phương pháp nghiên cứu định tính cũng được áp dụng nhằm thu thập thông tin sâu hơn về thực trạng hướng dẫn thực tập. Qua phỏng vấn chuyên sâu với giảng viên và sinh viên, một số vấn đề nổi bật đã được ghi nhận: Phản hồi từ giảng viên: Một số giảng viên bày tỏ rằng họ gặp khó khăn trong việc cân bằng giữa nhiệm vụ giảng dạy và hướng dẫn sinh viên thực tập. Họ cũng cho rằng, cần có cơ chế hỗ trợ thêm để nâng cao chất lượng hướng dẫn. Phản hồi từ sinh viên: Nhiều sinh viên cho biết rằng họ cảm thấy tự tin hơn sau các đợt thực tập, tuy nhiên họ mong muốn có thêm cơ hội thực hành tại các cơ sở khác nhau để tiếp cận nhiều tình huống thực tế hơn. Nhận xét từ chuyên gia: Các chuyên gia giáo dục nhấn mạnh rằng việc cải thiện mạng lưới thực hành và nâng cao sự phối hợp giữa trường đại học và cơ sở thực tập sẽ giúp sinh viên có trải nghiệm thực tập chất lượng hơn.

Những khó khăn và thách thức đang đặt ra yêu cầu về việc nâng cao chất lượng mạng lưới thực hành, thực tập, tăng cường hỗ trợ nhân lực và đồng bộ hoá quy trình hướng dẫn, đánh giá thực tập. Đặc biệt, cần có sự cải thiện về hình thức giám sát, nâng

cao năng lực giảng viên hướng dẫn cũng như cải thiện cơ sở vật chất để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tập của sinh viên.

3.3. Đề xuất mô hình liên kết hiệu quả giữa nhà trường và cơ sở thực hành: Nâng cao chất lượng đào tạo ngành Giáo dục đặc biệt Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội

3.3.1. Nguyên tắc xây dựng mô hình liên kết

Nguyên tắc phù hợp: Mô hình liên kết phải phù hợp với định hướng đào tạo của ngành Giáo dục đặc biệt, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của sinh viên, cơ sở đào tạo và các cơ sở thực hành.

Nguyên tắc bền vững: Mô hình cần đảm bảo sự phát triển lâu dài, duy trì được sự hợp tác ổn định giữa các bên.

Nguyên tắc linh hoạt: Phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ sở thực hành, có khả năng điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu đào tạo và sự thay đổi của thị trường lao động.

Nguyên tắc trách nhiệm chung: Mỗi bên tham gia cần có trách nhiệm rõ ràng trong việc hướng dẫn, hỗ trợ và đánh giá sinh viên.

Nguyên tắc đánh giá và cải tiến liên tục: Mô hình phải có cơ chế đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng thực hành, thực tập.

3.3.2. Cấu trúc và cơ chế hoạt động của mô hình

a. Mô hình

Đây là sơ đồ hóa mô hình liên kết giữa Nhà trường, Cơ sở thực hành và Sinh viên. Sơ đồ thể hiện mối quan hệ tương tác giữa các bên, trong đó:

Nhà trường (Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội): Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, cung cấp chương trình đào tạo, cử giảng viên hướng dẫn và giám sát quá trình thực hành, thực tập của sinh viên; Hỗ trợ về

học liệu, phương tiện giảng dạy và phối hợp chặt chẽ với các cơ sở thực hành.

Cơ sở thực hành: Tiếp nhận sinh viên thực tập, cung cấp môi trường thực hành thực tế; Bố trí giáo viên, chuyên gia hướng dẫn, tổ chức các buổi thực hành và đánh giá kết quả thực tập của sinh viên.

Sinh viên: Chủ động tham gia thực hành, thực tập, tuân thủ quy định và kế hoạch đào tạo. Phản hồi về chất lượng hướng dẫn, môi trường thực tập để đóng góp vào quá trình cải tiến.

b. Cơ chế hoạt động

Bước 1: Lựa chọn và kí kết hợp tác: Nhà trường lựa chọn các cơ sở thực hành phù hợp, tiến hành khảo sát điều kiện thực tế; Kí kết thỏa thuận hợp tác, trong đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của từng bên.

Bước 2: Triển khai hoạt động thực hành, thực tập: Xây dựng kế hoạch thực hành chi tiết theo từng học kì. Nhà trường phối hợp với cơ sở thực hành để đảm bảo sinh viên có môi trường học tập thực tế tốt nhất.

Bước 3: Đánh giá và cải tiến: Sau mỗi kì thực tập, tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ sinh viên, giảng viên và cơ sở thực hành. Tổ chức hội thảo đánh giá chất lượng thực tập và điều chỉnh chương trình hợp tác phù hợp với nhu cầu đào tạo.

c. Vai trò và trách nhiệm của các bên tham gia

Nhà trường: Xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận thực tiễn; Cử giảng viên hướng dẫn theo dõi sinh viên trong quá trình thực tập; Tạo điều kiện hỗ trợ về tài chính, học liệu cho sinh viên và giảng viên hướng dẫn.

Cơ sở thực hành: Tiếp nhận và tổ chức thực tập cho sinh viên theo kế hoạch đã thống nhất với nhà trường; Cung cấp giáo viên hướng dẫn, hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình thực tập; Đánh giá và báo cáo kết quả thực tập của sinh viên về trường.

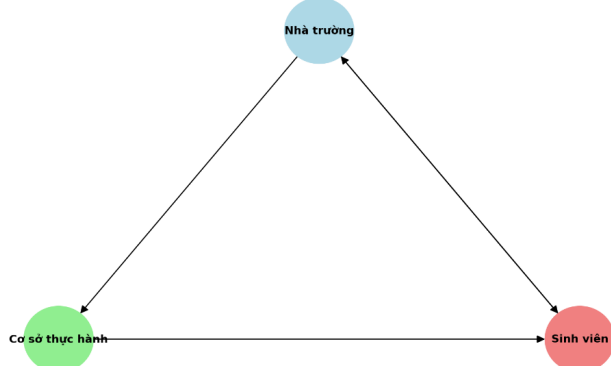
Sinh viên: Chủ động tham gia thực tập, tuân thủ nội quy và nhiệm vụ được giao; Thực hiện báo cáo thực tập, phản hồi về chất lượng hướng dẫn của cơ sở thực hành.

d. Giải pháp triển khai mô hình liên kết

Phát triển chương trình đào tạo kết hợp giữa lý thuyết và thực hành: Điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tăng cường thực hành, đảm bảo sự liên kết giữa lý thuyết và thực tế.

Xây dựng lộ trình thực tập chi tiết với ba giai đoạn: 1/ *Thực tập quan sát* (Năm 2): Giúp sinh viên làm quen với môi trường thực tế, hiểu về quy trình

Mô hình liên kết giữa Nhà trường - Cơ sở thực hành - Sinh viên



Hình 1: Mô hình liên kết giữa Nhà trường - Cơ sở thực hành - Sinh viên

giáo dục đặc biệt; 2/ *Thực tập hỗ trợ (Năm 3)*: Sinh viên tham gia trực tiếp vào các hoạt động dạy học, hỗ trợ học sinh khuyết tật; 3/ *Thực tập chuyên sâu (Năm 4)*: Sinh viên thực hiện độc lập các nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo dục.

Mời các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa giảng viên và giáo viên hướng dẫn tại cơ sở thực hành để đảm bảo nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng giảng viên, cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực hành: Xây dựng các chương trình tập huấn dành riêng cho giảng viên và giáo viên hướng dẫn, bao gồm: 1/Phương pháp giảng dạy kết hợp giữa lý thuyết và thực hành; 2/Kĩ năng hỗ trợ sinh viên thực tập, đánh giá năng lực sinh viên; 3/Ứng dụng công nghệ trong hướng dẫn thực hành.

Khuyến khích giảng viên tham gia các hoạt động thực tế tại cơ sở thực hành để cập nhật phương pháp giảng dạy mới, hợp tác với các tổ chức giáo dục đặc biệt trong và ngoài nước để nâng cao năng lực hướng dẫn của giảng viên.

Thiết lập cơ chế đánh giá và phản hồi hiệu quả giữa các bên: Xây dựng hệ thống phản hồi: Thu thập phản hồi từ sinh viên về quá trình thực tập thông qua phiếu khảo sát định kỳ; Lắng nghe ý kiến từ giáo viên hướng dẫn tại cơ sở thực hành để cải thiện chương trình đào tạo; Tổ chức hội thảo định kỳ giữa nhà trường và các cơ sở thực hành để đánh giá hiệu quả hợp tác.

Ứng dụng công nghệ trong quản lý thực tập: Sử dụng hệ thống trực tuyến để theo dõi tiến độ thực tập, phản hồi và hỗ trợ sinh viên kịp thời; Xây dựng

diễn đàn trao đổi giữa sinh viên, giảng viên và cơ sở thực hành để tạo kênh giao tiếp hiệu quả.

Mô hình liên kết hiệu quả giữa nhà trường và các cơ sở thực hành không chỉ giúp sinh viên ngành Giáo dục đặc biệt có cơ hội rèn luyện thực tế mà còn nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. Việc triển khai các giải pháp như phát triển chương trình đào tạo, nâng cao năng lực giảng viên và thiết lập cơ chế phản hồi sẽ đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên, tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận môi trường thực tập chuyên sâu và hiệu quả.

4. Kết luận

Mô hình liên kết giữa nhà trường và cơ sở thực hành trong đào tạo ngành Giáo dục đặc biệt đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo và cải thiện kĩ năng nghề nghiệp của sinh viên. Mô hình này không chỉ giúp sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế mà còn tạo cơ hội phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các cơ sở giáo dục đặc biệt. Đối với nhà trường, mô hình này củng cố chương trình đào tạo và tăng cường kết nối với các cơ sở thực hành. Các cơ sở thực hành cũng được lợi từ việc tiếp nhận sinh viên và nâng cao chất lượng nhân lực. Đối với xã hội, mô hình góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đặc biệt và mở rộng mạng lưới hỗ trợ. Để phát triển mô hình này trong tương lai, cần mở rộng phạm vi hợp tác với nhiều cơ sở thực hành, tích hợp công nghệ trong đào tạo, cải tiến chương trình học và tăng cường bồi dưỡng năng lực giảng viên. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên sẽ đảm bảo chất lượng đào tạo và phát triển giáo dục đặc biệt tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Đinh Quang Báo. (2021). Đổi mới mô hình đào tạo giáo viên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hùng Vương*, 22(1), 6-54.
- Mai Quang Huy. (2014). Những thay đổi trong đào tạo giáo viên tại Nhật Bản. *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội*, 30(1), 43-51.
- Nguyễn Đình Chính. (1997). *Thực tập sư phạm: Tài liệu hướng dẫn cho cán bộ giảng dạy, sinh viên các trường đại học sư phạm và cao đẳng sư phạm, giáo viên phổ thông trung học, phổ thông trung học cơ sở về thực tập theo phương thức gửi thẳng*. NXB Giáo dục Hà Nội.
- Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Đào Thị Thu Thủy & Nguyễn

- Thị Huyền. (2024). Kết nối các dịch vụ can thiệp sớm trẻ rối loạn phổ tự kỉ tại các cơ sở thực hành thực tập ngành Giáo dục đặc biệt Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, ISSN 2734-9918.
- Vũ Thị Sơn. (2012). *Từ mô hình trường phổ thông liên kết phát triển nghề đến nhận thức mới về vai trò của trường thực hành trong đào tạo giáo viên*. Trong Kỷ yếu hội thảo “Tập huấn quốc gia về phát triển kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm qua hệ thống trường thực hành” (tr.247-256). NXB Giáo dục Việt Nam.